

CSS FLEX

Khoá học “Building Website With HTML & CSS”

Mục tiêu

- Hiểu và sử dụng được CSS Flexbox
- Hiểu và sử dụng được CSS Flex Container
- Hiểu và sử dụng được CSS Flex Item
- Hiểu và sử dụng được CSS Flex Responsive

CSS Flexbox Layout

- Flexbox Layout, giúp thiết kế cấu trúc bố cục đáp ứng linh hoạt dễ dàng hơn mà không cần sử dụng float or positioning.
- Ví dụ sau xác định một vùng chứa linh hoạt (flex container) với ba mục linh hoạt (flex items).

```
.flex-container {  
  display: flex;  
  background-color: DodgerBlue;  
}
```



CSS Flex Container

- Flex Container là một vùng chứa linh hoạt.
- Ví dụ sau, Flex Container là vùng màu xanh lam với ba mục linh hoạt (flex items).
- Flex Container trở nên linh hoạt (flexible) bằng cách đặt thuộc tính display thành flex



CSS Flex Container – Các thuộc tính

- Các thuộc tính của flex container là:
 - flex-direction
 - flex-wrap
 - flex-flow
 - justify-content
 - align-items
 - align-content

Thuộc tính flex-direction

- Thuộc tính flex-direction xác định hướng mà vùng chứa muốn xếp chồng các flex items

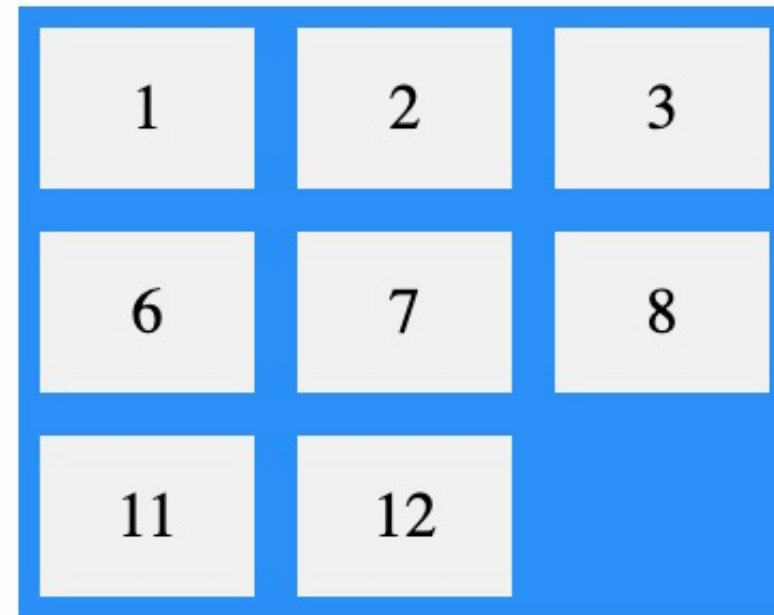
```
.flex-container {  
  display: flex;  
  flex-direction: column;  
  background-color: DodgerBlue;  
}
```



Thuộc tính flex-wrap

- Thuộc tính flex-wrap chỉ định xem các flex items có nên bọc hay không.

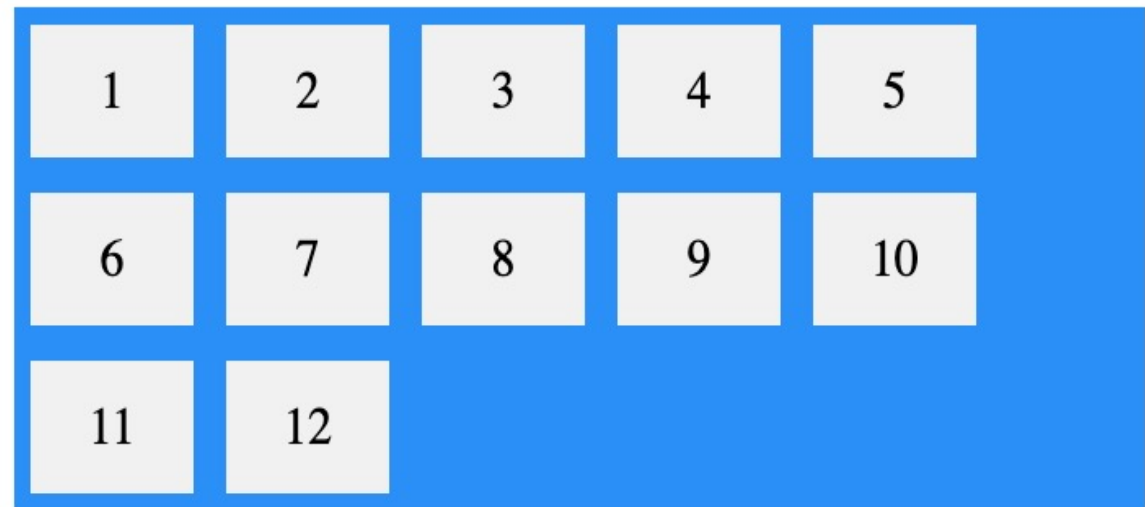
```
.flex-container {  
  display: flex;  
  flex-wrap: wrap;  
  background-color: DodgerBlue;  
}
```



Thuộc tính flex-flow

- Thuộc tính flex-flow là một thuộc tính viết tắt để thiết lập cả thuộc tính flex-direction và flex-wrap.

```
.flex-container {  
  display: flex;  
  flex-flow: row wrap;  
  background-color: DodgerBlue;  
}
```



Thuộc tính justify-content

- Thuộc tính justify-content được sử dụng để căn chỉnh các flex items

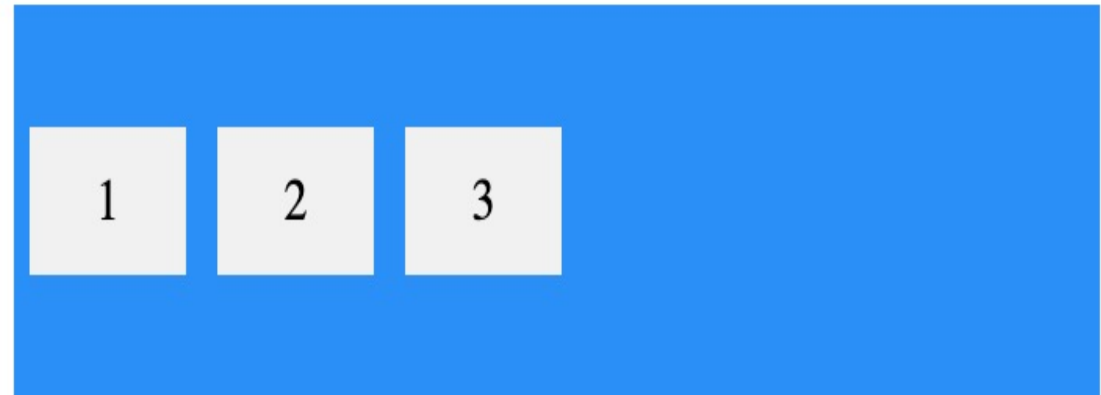
```
.flex-container {  
display: flex;  
justify-content: center;  
background-color: DodgerBlue;  
}
```



Thuộc tính align-items

- Thuộc tính align-items được sử dụng để căn chỉnh các flex items.

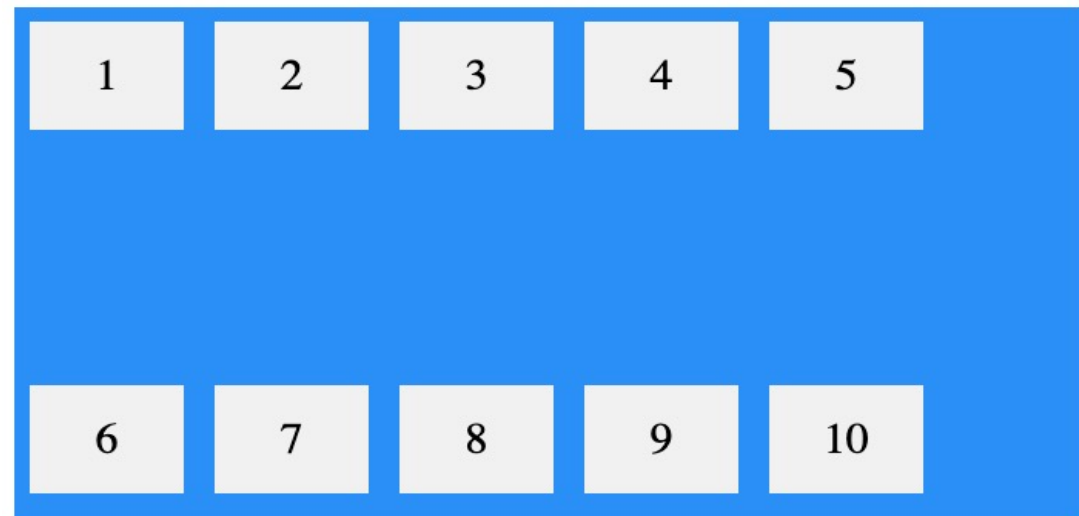
```
.flex-container {  
  display: flex;  
  height: 200px;  
  align-items: center;  
  background-color: DodgerBlue;  
}
```



Thuộc tính align-content

- Thuộc tính align-content được sử dụng để căn chỉnh các flex lines.

```
.flex-container {  
  display: flex;  
  height: 600px;  
  flex-wrap: wrap;  
  align-content: space-between;  
  background-color: DodgerBlue;  
}
```



CSS Flex Items

Các phần tử con trực tiếp của một flex container sẽ tự động trở thành các flex items.



Các thuộc tính của flex items

- order
- flex-grow
- flex-shrink
- flex-basis
- flex
- align-self

CSS Flex Items – Thuộc tính Order

Thuộc tính order chỉ định thứ tự của các flex items

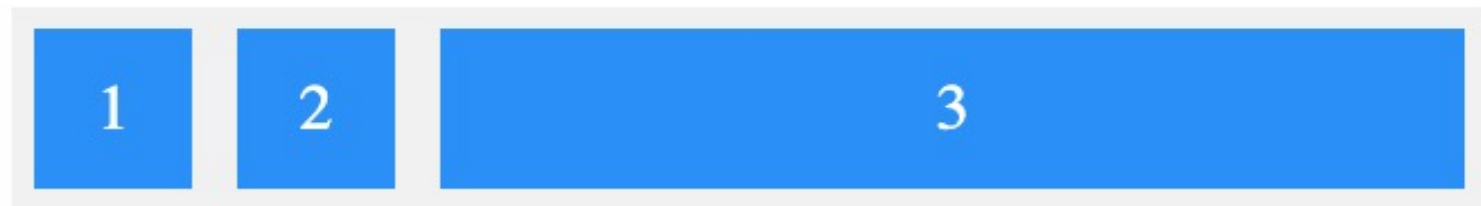
```
<div class="flex-container">  
<div style="order: 3">1</div>  
<div style="order: 2">2</div>  
<div style="order: 4">3</div>  
<div style="order: 1">4</div>  
</div>
```



CSS Flex Items – Thuộc tính flex-grow

Thuộc tính flex-grow chỉ định mức độ mà một flex item sẽ phát triển so với phần còn lại của các flex items.

```
<div class="flex-container">  
<div style="flex-grow: 1">1</div>  
<div style="flex-grow: 1">2</div>  
<div style="flex-grow: 8">3</div>  
</div>
```



CSS Flex Items – Thuộc tính flex-shrink

Thuộc tính flex-shrink chỉ định mức độ mà một flex item sẽ co lại so với phần còn lại của các flex items .

```
<div class="flex-container">  
<div>1</div>  
<div>2</div>  
<div style="flex-shrink: 0">3</div>  
<div>4</div>  
<div>5</div>  
<div>6</div>  
<div>7</div>  
<div>8</div>  
<div>9</div>  
<div>10</div>  
</div>
```



CSS Flex Items – Thuộc tính flex-basis

Thuộc tính flex-basis chỉ định độ dài ban đầu của một flex item.

```
<div class="flex-container">  
<div>1</div>  
<div>2</div>  
<div style="flex-basis:200px">3</div>  
<div>4</div>  
</div>
```



CSS Flex Items – Thuộc tính flex

Thuộc tính flex là một thuộc tính viết tắt cho các thuộc tính flex-grow, flex-shrink, và flex-basis

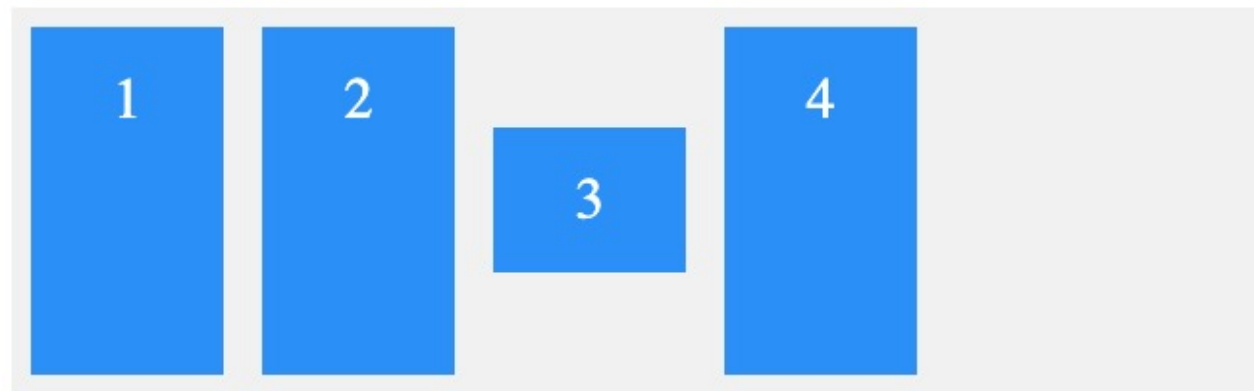
```
<div class="flex-container">  
<div>1</div>  
<div>2</div>  
<div style="flex: 0 0 200px">3</div>  
<div>4</div>  
</div>
```



CSS Flex Items – Thuộc tính align-self

Thuộc tính align-self chỉ định căn chỉnh cho item đã chọn bên trong flex container.

```
<div class="flex-container">  
<div>1</div>  
<div>2</div>  
<div style="align-self: center">3</div>  
<div>4</div>  
</div>
```



CSS Flex Responsive

Ví dụ: nếu bạn muốn tạo bố cục hai cột cho hầu hết các kích thước màn hình và bố cục một cột cho các kích thước màn hình nhỏ (chẳng hạn như điện thoại và máy tính bảng), bạn có thể thay đổi flex-direction từ hàng sang cột tại một điểm xác định (800px trong ví dụ bên dưới):

```
.flex-container {  
  display: flex;  
  flex-direction: row;  
  font-size: 30px;  
  text-align: center;  
}  
  
@media (max-width: 800px) {  
  .flex-container {  
    flex-direction: column;  
  }  
}
```

CODEGYM

Raising the bar

HỆ THỐNG ĐÀO TẠO LẬP TRÌNH HIỆN ĐẠI